

ĐIỂM THI

Lớp: Bồi dưỡng KT QLNN ngạch chuyên viên Khóa 68

Môn: Phần III- QLNN theo Ngành và lãnh thổ; Giảng viên chấm: Đàm Tiến Anh; Hứa Thị Thoa

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bằng chữ			Số	Bằng chữ
1	Nông Diễm Anh	9	Chín	34	Ngôn Công Lý	8.5	Tám phẩy năm
2	Hoàng Thị Hồng Ánh	9.25	Chín phẩy hai năm	35	Hoàng Thị Mai	8	Tám
3	Nông Thị Bé	9	Chín	36	Tạ Văn Mát	6.25	Sáu phẩy hai năm
4	Lương Thị Thu Bền	9	Chín	37	Đào Thị Mỹ	6.5	Sáu phẩy năm
5	Long Thị Bích	9	Chín	38	Phan Thị Nơ	8.5	Tám phẩy năm
6	Vũ Thị Thúy Bình	9	Chín	39	Nông Thị Nga	8.5	Tám phẩy năm
7	Quan Thị Cúc	8	Tám	40	Nông Trọng Nghĩa	8.75	Tám phẩy bảy năm
8	Trần Thanh Cường	8	Tám	41	Bé Thị Nhiệm	8.25	Tám phẩy hai năm
9	Linh Phú Cường	7.75	Bảy phẩy bảy năm	42	Phạm Thị Nhung	8.75	Tám phẩy bảy năm
10	Đinh Hồng Chương	8.75	Tám phẩy bảy năm	43	Đinh Thị Hoài Phương	8.95	Chín
11	Hoàng Thị Diệp	9.25	Chín phẩy hai năm	44	Nông Bé Quang	7.75	Bảy phẩy bảy năm
12	Hoàng Thị Đà	9.25	Chín phẩy hai năm	45	Nông Nguyễn Việt Tân	8.25	Tám phẩy hai năm
13	Nguyễn Quang Điều	9	Chín	46	Trần Minh Tiệp	8.75	Tám phẩy bảy năm
14	Phùng Văn Đông	7.5	Bảy phẩy năm	47	Đàm Văn Tuấn	9	Chín
15	Nguyễn Đình Giang	9	Chín	48	Nguyễn Anh Tuấn	8.75	Tám phẩy bảy năm
16	Bùi Thu Hà	8.75	Tám phẩy bảy năm	49	Nông Thị Tuyền	8.25	Tám phẩy hai năm
17	Lý Thanh Hải	9	Chín	50	Lê Phương Thảo	9.25	Chín phẩy hai năm
18	Lê Thị Hồng Hạnh	8.75	Tám phẩy bảy năm	51	Lục Toàn Thắng	9.25	Chín phẩy hai năm
19	Phùng Văn Hằng	8.75	Tám phẩy bảy năm	52	Vương Thị Thọ	9.25	Chín phẩy hai năm
20	Bé Ích Hậu	8.25	Tám phẩy hai năm	53	Đặng Thị Kim Thoa	8.95	Chín
21	Trần Quốc Hoạt	9.25	Chín phẩy hai năm	54	Nông Thị Thoa	8.5	Tám phẩy năm
22	Hoàng Thu Hồng	8.5	Tám phẩy năm	55	Hoàng Thị Thuần	8.75	Tám phẩy bảy năm
23	Nông Thị Minh Huệ	8.75	Tám phẩy bảy năm	56	Đặng Thanh Thùy	8.25	Tám phẩy hai năm
24	Nông Thị Lan Hương	8.5	Tám phẩy năm	57	Hoàng Thị Thủy	7.5	Bảy phẩy năm
25	Hoàng Văn Kiên	8.25	Tám phẩy hai năm	58	Nguyễn Thế Truyền	8.5	Tám phẩy năm
26	Phan Thúy Kiều	9	Chín	59	Nông Thị Thu Uyên	8.5	Tám phẩy năm
27	Nông Tuấn Khải	8.25	Tám phẩy hai năm	60	Nguyễn Thị Uyên	9	Chín
28	Mông Văn Khoan	6	Sáu	61	Đặng Văn Vỹ	9.25	Chín phẩy hai năm
29	Đoàn Thị Mai Lan	7.25	Bảy phẩy hai năm	62	Hà Thị Viên	9.25	Chín phẩy hai năm
30	Nông Thị Lệ	8.5	Tám phẩy năm	63	Chu Đức Vĩnh	9	Chín
31	Nguyễn Thùy Linh	8.5	Tám phẩy năm	64	Hoàng Anh Vũ	9	Chín
32	Trịnh Ngọc Lượng	8	Tám	65	Nguyễn Thị Xuân	8.75	Tám phẩy bảy năm
33	Hoàng Thị Lý	8.75	Tám phẩy bảy năm				

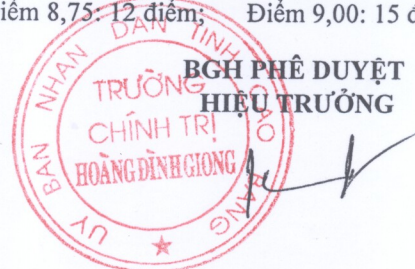
Điểm 6,00: 01 điểm; Điểm 6,25: 01 điểm; Điểm 6,50: 01 điểm; Điểm 7,00: 04 điểm; Điểm 7,25: 01 điểm; Điểm 7,50: 02 điểm; Điểm 8,00: 04 điểm; Điểm 8,25: 07 điểm; Điểm: 8,50: 10 điểm; Điểm 8,75: 12 điểm; Điểm 9,00: 15 điểm; Điểm 9,25: 09 điểm./.

GHI ĐIỂM

Hoàng Thị Quế

PHÒNG ĐÀO TẠO
TRƯỞNG PHÒNG

Tô Vũ Ninh



BGH PHÊ DUYỆT
HIỆU TRƯỞNG

Lục Văn Kèn